

BỘ TƯ PHÁP-BỘ TÀI
CHÍNH-TOÀ ÁN NHÂN
DÂN TỐI CAO-VIỆN
KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO
Số: 01/TTLN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 1 năm 1992

THÔNG TƯ LIÊN NGÀNH

Hướng dẫn xét và thi hành án đối với các khoản tiền bồi thường,
bồi hoàn, thanh toán tài sản, cấp dưỡng trong các bản án
hình sự và dân sự trong tình hình hiện nay

Để đảm bảo quyền lợi cho các bên có liên quan về tài sản trong các vụ án do tình trạng biến động về giá cả hoặc do bên có nghĩa vụ về tài sản chưa thực hiện nghĩa vụ, chưa thi hành gây nên, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính hướng dẫn các Toà án các cấp thực hiện việc xét xử và thi hành án về tài sản trong các vụ án hình sự, dân sự như sau:

I. HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI VIỆC XÉT XỬ VÀ THI HÀNH ÁN:

1. Về các tài sản là hiện vật:

Trong các trường hợp có thể buộc bên có nghĩa vụ về tài sản trả được bằng hiện vật cùng loại (cụ thể là những vật có hình thức, chất lượng và giá trị tương đương như: vàng, sắt, thép, xi măng, máy vô tuyến truyền hình, xe máy cùng loại v.v...) khi xét xử, Toà án quyết định bên có nghĩa vụ về tài sản phải trả bằng hiện vật. Tuy nhiên Toà án vẫn phải xác định giá trị của hiện vật đó thành tiền theo giá thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm để tính án phí. Khi thi hành án, các bên đương sự có thể thoả thuận trả bằng hiện vật hoặc thanh toán bằng tiền. Nếu các bên đương sự không thoả thuận được về phương thức thi hành án và bên phải thi hành án không có hiện

vật để trả, thì Tòa án quyết định bên phải thi hành án phải thanh toán bằng tiền theo giá trị của hiện vật đó tại thời điểm thi hành án.

Thí dụ: A cho B vay hai chỉ vàng 98%. Khi xét xử sơ thẩm Tòa án buộc B phải trả cho A hai chỉ vàng 98%. Nếu giá vàng 98% tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 500.000đồng/chỉ thì B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 50.000 đồng ($5\% \times 500000$ đồng/chỉ $\times 2$ chỉ = 50000 đồng).

2. Về các khoản tiền:

a) Đối với các khoản tiền bồi thường, tiền bồi hoàn, tiền công, tiền lương, tiền chia tài sản, tiền đền bù công sức, tiền cấp dưỡng, tiền vay không có lãi, tiền truy thu thuế, tiền truy thu thu lợi bất chính, nếu trong thời gian từ khi gây thiệt hại hoặc giao dịch đến khi xét xử sơ thẩm mà giá gạo ổn định hoặc giảm, thì khi xét xử, Tòa án chỉ xác định các khoản tiền đó để buộc bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán bằng tiền mà không quy đổi các khoản tiền đó ra gạo. Nếu trong thời gian từ khi gây thiệt hại hoặc giao dịch đến khi xét xử sơ thẩm mà giá gạo tăng thì Tòa án quy đổi các khoản tiền đó ra gạo theo giá gạo loại trung bình ở địa phương (từ đây trở đi gọi tắt là "giá gạo") tại thời điểm gây thiệt hại hoặc giao dịch, rồi tính số lượng gạo đó thành tiền theo giá gạo tại thời điểm xét xử sơ thẩm để buộc bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán và chịu án phí theo số tiền đó.

Đối với các khoản tiền tịch thu, tiền phạt, tiền án phí, khi xét xử Tòa án chỉ quyết định mức tiền trong bản án mà không quy đổi các khoản tiền này ra gạo.

Để bảo đảm quyền lợi cho bên được thi hành án, hạn chế việc bên phải thi hành án cố tình dây dưa, không tự nguyện thi hành án, từ nay về sau, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án, khoản tiền phải nộp cho Tòa án để đưa vào Ngân sách Nhà nước (tiền tịch thu, tiền truy thu thuế, tiền truy thu thu lợi bất chính, tiền phạt, tiền án phí), Tòa án phải quyết định rõ trong bản án hoặc quyết định (sau đây gọi chung là bản án) là kể từ tháng thứ hai trở đi, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn do

Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Khi tính lãi Toà án chỉ tính lãi của số tiền còn phải thi hành án, mà không tính lãi của số tiền chưa thanh toán.

Thí dụ: Tháng 1 -1990 xảy ra việc tham ô khoản tiền 1 triệu đồng. Nếu tháng 10-1991 xét xử sơ thẩm thì Toà án phải quy đổi 1 triệu đồng ra gạo theo giá gạo vào tháng 1-1990, giả định là 500 đồng/kg, nên số lượng gạo quy đổi được là 2000 kg(1 triệu đồng: 500 đồng/kg = 2000 kg). Giả định giá gạo tại thời điểm xét xử sơ thẩm vào tháng 10-1991 là 2000 đồng/kg, thì trong phần quyết định của bản án, Toà án buộc người bị kết án về tội tham ô phải bồi thường số tiền là 4 triệu đồng (2000 kg x 2000 đồng/kg = 4 triệu đồng); phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000 đồng (5% x 4 triệu đồng = 200.000 đồng) và kể từ tháng thứ hai trở đi, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền đó, hàng tháng người bị kết án phải trả cho bên bị thiệt hại khoản tiền lãi của số tiền chưa bồi thường và phải chịu khoản tiền lãi của số tiền án phí chưa nộp theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian người bị kết án chưa thi hành án.

b) Đối với các khoản tiền vay, gửi ở tổ chức Ngân hàng, tín dụng, do giá trị của các khoản tiền đó đã được bảo đảm thông qua các mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định, cho nên khi xét xử, trong mọi trường hợp Toà án đều không phải quy đổi các khoản tiền đó ra gạo, mà quyết định bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán số tiền thực tế đã vay, gửi cùng với khoản tiền lãi, kể từ khi giao dịch cho đến khi thi hành án xong, theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Thí dụ: Tháng 1 -1991 A vay Ngân hàng Nhà nước hàng 1 triệu đồng với thời hạn 6 tháng và theo mức lãi suất là 3%; khi hết hạn hợp đồng A không trả tiền vay và tiền lãi cho Ngân hàng. Khi xét xử sơ thẩm vào tháng 10 -1991 Toà án quyết định A phải trả cho Ngân hàng 1 triệu đồng cùng với các khoản tiền lãi của số tiền đã vay, bao gồm: tiền lãi theo hợp vay là 180.000 đồng (1 triệu đồng x 3%/tháng x 6 tháng = 180.000đ) và tiền lãi do nợ quá hạn từ tháng 7-1991 đến khi trả xong số tiền đã vay theo mức lãi nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định. Toà án buộc A phải chịu

án phí dân sự sơ thẩm theo tổng số các khoản tiền phải thanh toán tại thời điểm xét xử sơ thẩm, bao gồm: 1 triệu đồng tiền vay, 180.000đ tiền lãi theo hợp đồng và tiền lãi nợ quá hạn từ tháng 7-1991 đến tháng 10-1991 (giả định mức lãi nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định là 5%/tháng) thì số tiền lãi do nợ quá hạn là 150.000 đồng ($1 \text{ triệu đồng} \times 3 \text{ tháng} = 150.000\text{đ}$). Trong trường hợp cụ thể này, án phí dân sự sơ thẩm là 66.500 đồng ($5\% \times "1 \text{ triệu đồng} + 180.000\text{đ} + 150.000\text{đ}" = 66.500 \text{ đồng}$). Từ tháng thứ hai trở đi, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền án phí 66.500đ, hàng tháng A phải chịu khoản tiền lãi của số tiền án phí chưa thi hành án theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định (theo cách tính ở điểm a).

c) Đối với các khoản tiền vay có lãi và có thời hạn ở ngoài tổ chức Ngân hàng tín dụng thì Toà án quy đổi số tiền mà bên vay chưa thanh toán vào thời điểm hết hạn hợp đồng (bao gồm tiền vay và tiền lãi theo mức lãi suất do hai bên thoả thuận khi vay) ra gạo theo giá gạo lúc hết hạn hợp đồng; sau đó, căn cứ vào giá gạo vào thời điểm xét xử sơ thẩm, Toà án tính số lượng gạo đó thành tiền để buộc bên vay phải thanh toán, phải chịu án phí và chịu tiền lãi của các khoản tiền này theo cách tính ở điểm a. Trong trường hợp mức lãi suất do hai bên thoả thuận cao hơn mức lãi suất cho vay tối đa của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh do Ngân hàng Nhà nước quy định trong thời hạn hợp đồng cho vay giữa các đương sự, thì Toà án chỉ chấp nhận bằng mức lãi suất cho vay tối đa của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh tại thời điểm xét xử sơ thẩm (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước thì kể từ ngày 11-7-1991 mức lãi suất cho vay tối đa của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh là 6%/tháng).

Thí dụ: Tháng 1-1991 A vay B 1 triệu đồng với thời hạn 6 tháng và với mức lãi suất do hai bên thoả thuận là 10%/tháng; khi hết hạn hợp đồng A không trả cho B cả tiền vay và tiền lãi. Khi xét xử sơ thẩm vào tháng 10 -1991, Toà án quy đổi khoản tiền A vay B là 1 triệu đồng cộng với tiền lãi trong 6 tháng (nhưng không phải theo mức lãi suất do hai bên đã thoả thuận là 10%/tháng mà theo mức lãi suất cho vay tối đa của các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh do Ngân hàng Nhà nước quy định là